

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1032/QĐ-NHNN*

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động tín dụng thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động tín dụng quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 thực hiện tại bộ phận Một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *William*

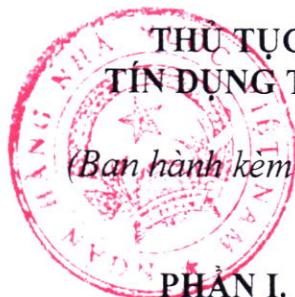
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để báo cáo);
- Cục KSTTHC-VPCP (để phối hợp);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (để phối hợp);
- Lưu: VP, VP4.TPThảo, TDCNKT, TD2.VTLinh. *h*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
TÍN DỤNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1032 /QĐ-NHNN ngày 15 tháng 6 năm 2022
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
1	Thủ tục hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ	Hoạt động tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

sb

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1. Thủ tục hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Các ngân hàng thương mại lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho cả 02 năm 2022, 2023 và chi tiết từng năm theo quy định, gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Bước 2: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp kế hoạch hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại, đảm bảo trong phạm vi tổng mức 40.000 tỷ đồng, chi tiết theo từng ngân hàng thương mại và theo từng năm, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

+ Bước 3: Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo Chính phủ đề trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho phép bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ lãi suất trong năm 2022 và tổng hợp, bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trình Quốc hội quyết định.

+ Bước 4: Thủ tướng Chính phủ quyết định giao vốn ngân sách trung ương bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023 thực hiện theo quy định hiện hành.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất cho các ngân hàng thương mại và gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp thực hiện.

+ Bước 5: Trước ngày 20 của tháng đầu tiên hằng quý, ngân hàng thương mại lập 02 bộ hồ sơ gửi đồng thời Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định của quý trước liền kề; riêng hồ sơ của quý IV hằng năm gửi trước ngày 05 tháng 01 năm kế tiếp.

+ Bước 6: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại hằng quý, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến về danh mục hồ sơ, số tiền đề nghị thanh toán trước của ngân hàng thương mại không vượt hạn mức hỗ trợ lãi suất được thông báo, gửi Bộ Tài chính đề nghị thực hiện thanh toán trước cho ngân hàng thương mại. Riêng hồ sơ của quý IV hằng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến gửi Bộ Tài chính trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại.

+ Bước 7: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính thực hiện thanh toán trước cho ngân hàng thương mại số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này

theo hình thức lệnh chi tiền và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phối hợp thực hiện.

+ Bước 8: Trong quá trình triển khai, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét điều chỉnh hạn mức hỗ trợ lãi suất giữa các ngân hàng thương mại khi cần thiết, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để phối hợp thực hiện.

+ Bước 9: Trước ngày 10 tháng 02 năm 2023 (đối với các khoản hỗ trợ lãi suất năm 2022) và trước ngày 10 tháng 02 năm 2024 (đối với các khoản hỗ trợ lãi suất năm 2023), ngân hàng thương mại lập 03 bộ hồ sơ gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết toán hỗ trợ lãi suất năm theo quy định.

+ Bước 10: Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất năm của các ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp báo cáo quyết toán hỗ trợ lãi suất chi tiết theo từng ngân hàng thương mại theo quy định gửi Kiểm toán Nhà nước để Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán theo quy định tại Luật Kiểm toán Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Bước 11: Kiểm toán nhà nước tổ chức kiểm toán việc thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định.

+ Bước 12: Trong trường hợp cần thiết, Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành (gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng) thực hiện kiểm tra hồ sơ của khoản vay được hỗ trợ lãi suất.

+ Bước 13: Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, căn cứ hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại, kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và kết quả kiểm tra hồ sơ của Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp báo cáo quyết toán hỗ trợ lãi suất chi tiết theo từng ngân hàng thương mại (theo số liệu đã được kiểm toán) gửi Bộ Tài chính để thẩm định, đồng thời gửi các ngân hàng thương mại để biết.

+ Bước 14: Trước ngày 01 tháng 10 năm kế tiếp năm quyết toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đề nghị Bộ Tài chính thẩm định báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất, kèm theo văn bản của Kiểm toán nhà nước về kết quả kiểm toán việc thực hiện hỗ trợ lãi suất năm quyết toán, đồng thời gửi các ngân hàng thương mại để biết.

+ Bước 15: Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính thực hiện thẩm định báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất.

+ Bước 16: Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất, Bộ Tài chính có thông báo thẩm định gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại.

- Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc

+ Qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất: Văn bản đăng ký.

+ Hồ sơ đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất hằng quý gồm có: Văn bản đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất, Báo cáo về tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng của ngân hàng thương mại, Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất trong quý.

+ Hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất năm gồm có: Công văn về việc quyết toán hỗ trợ lãi suất năm, Báo cáo số liệu đề nghị tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất, Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất trong năm quyết toán.

- Số lượng hồ sơ:

+ Hồ sơ đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất: 01 bộ.

+ Hồ sơ đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất: 02 bộ.

+ Hồ sơ quyết toán hỗ trợ lãi suất năm: 03 bộ.

- Thời hạn giải quyết:

+ Đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất: sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển năm 2022 và Thủ tướng Chính phủ quyết định giao vốn ngân sách trung ương bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất hằng quý: 25 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại.

+ Quyết toán hỗ trợ lãi suất năm: 15 ngày làm việc sau ngày 01 tháng 10 năm kế tiếp năm quyết toán.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng thương mại

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo thẩm định báo cáo tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất của Bộ Tài chính.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất (theo mẫu tại Phụ lục 01 Nghị định 31/2022/NĐ-CP);

+ Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng (theo mẫu tại Phụ lục 02 Nghị định 31/2022/NĐ-CP);

+ Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất (theo mẫu tại Phụ lục 03 Nghị định 31/2022/NĐ-CP);

+ Báo cáo số liệu đề nghị tổng hợp quyết toán hỗ trợ lãi suất (theo mẫu tại Phụ lục 04 Nghị định 31/2022/NĐ-CP);

+ Bảng kê chứng từ chứng minh khách hàng đã được hỗ trợ lãi suất (theo mẫu tại Phụ lục 05 Nghị định 31/2022/NĐ-CP);

+ Tổng hợp báo cáo quyết toán hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại năm 2022/2023 (theo mẫu tại Phụ lục 06 Nghị định 31/2022/NĐ-CP);

+ Báo cáo tổng hợp kết quả hỗ trợ lãi suất cả chương trình trong 02 năm 2022, 2023 (theo mẫu tại Phụ lục 07 Nghị định 31/2022/NĐ-CP).

- Yêu cầu, điều kiện: ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định 31/2022/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, chính xác của hồ sơ, số liệu đề nghị thanh toán, quyết toán hỗ trợ lãi suất.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

+ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

+ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 5 năm 2019;

+ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

+ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Mẫu số 01

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ ...

Đơn vị: đồng

STT	Năm	Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch (*)	Số tiền hỗ trợ lãi suất kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4) = 2% x (3)
1	Năm 2022		
2	Năm 2023		
Tổng cộng			

(*) Dự kiến dư nợ cho vay bình quân đối với các đối tượng được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định này trong năm kế hoạch.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày... tháng... năm...

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG
Quý..... Năm

Đơn vị: đồng

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)	Dự nợ HTLS đầu quý	Doanh số phát sinh trong quý		Dự nợ HTLS cuối quý	Số tiền NHTM đã HTLS trong quý	Số tiền đã HTLS bị thu hồi phải giảm trừ trong quý	Số tiền đề nghị NSNN thanh toán trước trong quý
			Cho vay	Thu nợ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = 85% x [(7)-(8)]
1	TP. Hà Nội							
1.1	Chi nhánh A							
1.2	Chi nhánh B							
....								
2	TP. Hồ Chí Minh							
2.1	Chi nhánh X							
2.2	Chi nhánh Y							
...								
3	Tỉnh							
3.1	...							
	...							
	Tổng số							

Ghi chú:

- Cột (3), (4), (5), (6) báo cáo dư nợ hỗ trợ lãi suất đầu quý, doanh số cho vay hỗ trợ lãi suất trong quý, doanh số thu nợ hỗ trợ lãi suất trong quý, dư nợ hỗ trợ lãi suất cuối quý (không bao gồm các khoản vay quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này).

- Cột (7) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong quý (bao gồm cả số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong quý phải thu hồi).
- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất (phát sinh từ đầu chương trình đến hết quý báo cáo) nhưng trong quý báo cáo được xác định phải thu hồi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.
- Cột (9) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.
- Trường hợp số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong quý nhỏ hơn số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý thì số tiền ngân hàng thương mại đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong quý = 0. Phần chênh lệch giữa số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý và số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong quý được tính vào số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý tiếp theo, hoặc hoàn trả ngân sách nhà nước.
- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm...

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ CHỨNG MINH KHÁCH HÀNG ĐÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Quý..... Năm

Đơn vị: đồng

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)/Tên khách hàng	Mã số thuế/ ĐKKD	Số hiệu khé ước nhận nợ /Số tài khoản nhận nợ chỉ tiết trên hệ thống	Ngày khế ước/Ngày tài khoản nhận nợ chỉ tiết trên hệ thống	Số hiệu chứng từ HTLS	Ngày chứng từ HTLS	Số tiền đã HTLS theo chứng từ phát sinh trong quý	Số tiền đã HTLS bị thu hồi phải giảm trừ trong quý	Số tiền đề nghị NSNN thanh toán trước trong quý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = 85% x [(8) - (9)]
1	TP. Hà Nội								
1.1	Chi nhánh A								
1.1.1	Khách hàng thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định								
1.1.1.1	Khách hàng X								
	...								
1.1.1.2	Khách hàng Y								
	...								

Ơn Chu.
- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất theo các chứng từ hỗ trợ lãi suất trong quý (bao gồm cả số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong quý phải thu hồi).

- Cột (9) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất theo các chứng từ hỗ trợ lãi suất (gồm chứng từ phát sinh từ đầu chương trình ưu đãi lãi suất trong quỹ phát triển khoa học và công nghệ).

- Cột (10) Chi báo số nêu tại dòng 1 trong số.
- Trường hợp số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong quý nhỏ hơn số tiền đã hỗ trợ lãi suất trừ trong quý thì số tiền ngân hàng thương mại đề nghị ngân sách nhà nước thanh hỗ trợ lãi suất trong quý = 0. Phần chênh lệch giữa số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý và số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong quý được tính vào số tiền đã hỗ trợ lãi suất bị thu hồi phải giảm trừ trong quý tiếp theo, hoặc hoàn trả ngân sách nhà nước.

- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐỀ NGHỊ TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN HỖ TRỢ LÃI SUẤT
Năm 2022/Năm 2023

STT	Tên chi nhánh ngân hàng thương mại (theo địa bàn)	Dư nợ HTLS đầu năm	Doanh số phát sinh trong năm		Dư nợ HTLS cuối năm	Số tiền NHTM đã HTLS trong năm	Số tiền đã HTLS bị thu hồi phải giảm trừ trong năm	Số tiền đã được NSNN thanh toán trước trong năm	Đơn vị: đồng	Số tiền còn lại đề nghị NSNN thanh toán/hoặc giảm trừ trong năm tiếp theo/hoặc hoàn trả NSNN
			Cho vay	Thu nợ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)=(7)-(8)-(9)
1	TP. Hà Nội									
1.1	Chi nhánh A									
1.2	Chi nhánh B									
....										
2	TP. Hồ Chí Minh									
2.1	Chi nhánh X									
2.2	Chi nhánh Y									
...										
3.	Tỉnh									
3.1	...									
	...									
	Tổng số									

Ghi chú:

- Cột (3), (4), (5), (6) báo cáo dư nợ hỗ trợ lãi suất đầu năm, doanh số cho vay hỗ trợ lãi suất trong năm, doanh số thu nợ hỗ trợ lãi suất trong năm, dư nợ hỗ trợ lãi suất cuối năm (không bao gồm các khoản vay quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này).
- Cột (7) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong năm (bao gồm cả số tiền đã hỗ trợ lãi suất trong năm phải thu hồi).
- Cột (8) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất (phát sinh từ đầu chương trình đến hết năm quyết toán) nhưng trong năm quyết toán được xác định phải thu hồi theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.
- Cột (9) báo cáo số tiền ngân hàng thương mại đã được ngân sách nhà nước thanh toán trước trong năm theo đề nghị của ngân hàng thương mại tại hồ sơ đề nghị thanh toán trước số tiền đã hỗ trợ lãi suất các quý trong năm. Cột (9) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.
- Cột (10) chỉ báo cáo số liệu tại dòng Tổng số.
- Ngân hàng thương mại gửi bản chính (ký tên, đóng dấu) kèm bản excel (copy trong thiết bị lưu trữ dữ liệu như đĩa, usb, hoặc gửi email theo địa chỉ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp), đảm bảo khớp đúng dữ liệu giữa các bản.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày... tháng... năm...
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TỔNG HỢP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN HỖ TRỢ LÃI SUẤT CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI NĂM 2022/2023
(Đính kèm Công văn số .../NHNN-TD của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

STT	Tên ngân hàng thương mại	Đư nợ HTLS đầu năm	Doanh số phát sinh trong năm		Đư nợ HTLS cuối năm	Hạn mức HTLS được thông báo	Theo báo cáo quyết toán của NHTM					Theo báo cáo tổng hợp quyết toán của NHNNVN			
			Cho vay	Thu nợ			Số tiền NHTM đã HTLS	Số tiền đã HTLS bị thu hồi	Số tiền đã được NSNN thanh toán trước	Số tiền còn lại đề nghị NSNN /hoặc giảm trừ trong năm tiếp theo/hoặc hoàn trả NSNN	Số tiền NHTM đã HTLS	Số tiền đã được NSNN thanh toán trước	Số tiền NSNN còn phải thanh toán [nếu (15)>0], hoặc giảm trừ vào năm tiếp theo hoặc phải hoàn trả NSNN [nếu (15)<0]		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)=(12)-(13)-(14)	
1															
...															
Tổng số															

Ghi chú:

- Cột (8), (9), (10), (11) báo cáo số liệu theo báo cáo quyết toán hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại theo Mẫu số 04 và Mẫu số 05;
- Cột (12), (13), (14), (15) báo cáo số liệu theo báo cáo tổng hợp báo cáo quyết toán hỗ trợ lãi suất quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

